TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2020
V/v: Ly hôn, một bên mất tích.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Nhân.
2. Ông Lê Dũng Tấn.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phùng Thị Tố Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Minh - KSV.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ thục thông thường vụ án thụ lý số: 82/2020/TLST - HNGĐ ngày 08/6/2020 về việc ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 19/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Duy T, sinh năm 1992;
Địa chỉ: Thôn LM, xã TG, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Anh T vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).
2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị P, sinh năm 1995;
Nơi cư trú cuối cùng: Thôn LM, xã TG, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Chị P vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lê Duy T trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Lê Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04/8/2015. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, do tính tình không hợp. Khoảng tháng 01 năm 2016 chị P bỏ đi đâu không rõ, anh T và gia đình hai bên đã tìm kiến nhiều nơi nhưng không biết chị P ở đâu làm gì. Anh Lê Duy T đã yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu tuyên bố chị P mất tích, ngày 22/5/2020 Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã tuyên bố chị Lê Thị P mất tích

theo quyết định số 02/2020/QĐDS-ST. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Duy Gia B sinh ngày 01/6/2013, hiện đang ở với anh T; Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Lê Thị P hiện nay không có mặt tại địa P. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tại nơi cư trú cuối cùng và tại xã Thiệu Giao nhưng chị P đều không có mặt, nên Tòa án không tiến hành làm việc được với chị P.

Tòa án đã làm việc với chính quyền xã Thiệu Giao thì được biết chị P đã bỏ đi khỏi địa P từ lâu, từ khi Tòa án tuyên bố mất tích cho đến nay chị P không có mặt tại địa P, cũng như không biết tin tức gì về chị P ở đâu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ quy định của pháp luật, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Lê Duy T và bị đơn là chị Lê Thị P vắng mặt tại phiên tòa, nhưng anh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Lê Thị P vắng mặt không có lý do và phiên tòa cũng đã được hoãn lần thứ nhất vào ngày 07/9/2020; Do đó căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị P.

[2]. Về hôn nhân: Anh Lê Duy T và chị Lê Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Anh Lê Duy T yêu cầu được ly hôn chị Lê Thị P. Hội đồng xét xử căn cứ vào quyết định đã có hiệu lực thi hành số 02/2020/QĐDS-ST ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa tuyên bố chị Lê Thị P mất tích nên yêu cầu ly hôn của anh Lê Duy T là phù hợp với khoản 2 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận đơn của anh T và xử cho anh T được ly hôn chị P là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3]. Về con chung: Anh T khai nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Duy Gia B sinh ngày 01/6/2013 anh T xuất trình cho Tòa án bản sao trích lục khai sinh của cháu Lê Duy Gia B có ghi họ tên mẹ là chị Lê Thị P, họ tên bố là Lê Duy T; Như vậy đủ cơ sở khẳng định các cháu Lê Duy Gia B là con chung của anh anh T và chị P. Hiện cháu B đang ở với anh T, cháu B có nguyện vọng được ở với anh

T, từ khi chị P mất tích cho đến nay thì cháu B do anh T chăm sóc, nên chấp nhận yêu cầu của anh T giao cháu B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; Về cấp dưỡng nuôi con chung anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[4]. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử không biết được nội dung yêu cầu của chị P đối với phần tài sản giữa chị P và anh T nếu sau này chị Lê Thị P trở về hoặc người có quyền lợi ích liên quan có quyền yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích thì dành quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Anh T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Lê Duy T được ly hôn chị Lê Thị P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Duy Gia B sinh ngày 01/6/2013 cho anh Lê Duy T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị P có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Lê Duy T phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)*được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005727 ngày 05/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, anh T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh T, chị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Thiệu Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Văn Đạt